

Bản án số: 272/2017/HSST

Ngày 14-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trai

Ông Hoàng Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 263/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2017/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Ng Th D H, sinh năm 1983 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm S, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở: Tổ 1, khu phố B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ng V M, sinh năm 1955 và bà D Th S (đã chết); có chồng ông Ng Ph D, sinh năm 1981 và có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/6/2015 đến nay, có mặt.

2. L V T, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 5, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L V N, sinh năm 1958 và bà M Th D, sinh năm 1960; có vợ là Ng Th Ng Th, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2015 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Vĩnh Quý – Luật sư Công ty Luật TNHH Vĩnh Quý và đồng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo L V T, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Công ty TNHH L H, trụ sở: Khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, do bà H M H là Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho bà Đ Th V, sinh năm 1986, địa chỉ thường trú: Thôn Đào Xá, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Nhà trọ Nam Cường, đường An Phú 35, khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông L V L, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 5, thôn L, ấp Bùi Chu, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Ông Ph Đ H, sinh năm 1973, địa chỉ: Số 58/7, khu phố B, phường H, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Công ty TNHH Th; trụ sở: Tổ 15, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông H V Ng, sinh năm 1965, địa chỉ: Số 8, ấp Th, xã S, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

Công ty TNHH Ch, trụ sở: Lô N, Đường số 6, khu công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: Bà L T F là Tổng giám đốc, vắng mặt.

Nguyễn T Ng Th, sinh năm 1988, địa chỉ: Số 1, Tổ 5, Ấp 5, xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ng Th D H là nhân viên của Công ty TNHH L H, với nhiệm vụ được phân công là nhận, nhập kho các mặt hàng gỗ thông là nguyên liệu sản xuất mà Công ty mua từ Công ty TNHH Ch từ khu công nghiệp Tam Phước, tỉnh Đồng Nai chở đến. Khi có hợp đồng mua bán giữa hai bên, Công ty TNHH Ch sẽ thuê Công ty TNHH Th vận chuyển khối lượng gỗ đến Công ty L H giao theo từng hợp đồng.

Ngày 29/5/2015, L V T được Công ty Th giao nhiệm vụ cùng lái xe L V L điều khiển xe ô tô biển số 60C-095.39 chở 17,254m³ gỗ thông đến giao cho Công ty L H. Trên đường đi, T gọi điện thoại cho H hỏi thời gian giao hàng thì được H hướng dẫn chở toàn bộ số gỗ này đến bán cho Chi nhánh Công ty TNHH H L, tại địa chỉ số 202/2, Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương do ông Ph Đ H làm chủ thì H sẽ cho 10.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó H tiếp tục gọi điện cho H hỏi giá mua số gỗ trên, H đồng ý mua với giá 70.000.000 đồng. Sau khi giao toàn bộ số gỗ trên cho H, T nhận 10.000.000 đồng từ H theo yêu cầu của

H, sau đó T gặp H để ký nhận đơn xuất hàng rồi cùng L điều khiển xe đi về Đồng Nai. Trên đường về, T đưa cho L 5.000.000 đồng và nói với L đây là tiền Công ty L H bồi dưỡng, còn T giữ lại 5.000.000 đồng. Số tiền này L và T đã nộp cho cơ quan điều tra. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, sau khi tan ca, H đến Công ty H L gặp H và nhận 60.000.000 đồng còn lại. Sau đó, H mang phiếu nhập 17,254 m³ gỗ thông nêu trên vào sổ nhập hàng của Công ty.

Phát hiện số gỗ trên bị mất, Công ty L H làm đơn trình Công an phường Bình Chuẩn. Ngay sau đó, H giao nộp cho Công ty 30.000.000 đồng.

Qua điều tra, ngày 19/6/2015, H và T bị bắt giữ, đồng thời H đã giao nộp số tiền 30.000.000 đồng còn lại.

Theo biên bản định giá và kết luận định giá tài sản ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An kết luận 17,254m³ gỗ thông các bị cáo đã chiếm đoạt trị giá 200.715.221 đồng.

Tại cáo trạng số: 286/QĐ-KSĐT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đã truy tố các bị cáo Ng Th D H, L V T về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội xử phạt Ng Th D H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; các Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47 xử phạt L V T từ 03 năm đến 4 năm tù và đề nghị xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để xử phạt bị cáo T mức án bằng với thời gian tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến

hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo Ng Th D H, L V T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bị cáo Ng Th D H lợi dụng sự tin tưởng của Công ty TNHH L H giao tài sản cho bị cáo quản lý, ngày 29/5/2015 bị cáo H đã cấu kết với bị cáo L V T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 17,254m³ gỗ thông của Công ty TNHH L H trị giá 200.715.221 đồng, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố các bị cáo về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân các bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội đã thực hiện, có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, trong đó bị cáo H là người rủ rờ và được hưởng phần lớn giá trị tài sản chiếm đoạt, bị cáo T là đồng phạm giúp sức nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo H cao hơn bị cáo T.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi một phần trả cho chủ sở hữu; nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên áp dụng Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo H; áp dụng Điểm b, p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo T.

Xét, bị cáo T có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế; tham gia giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, bị cáo chỉ chờ gỗ đến Công ty H L theo sự chỉ dẫn của nhân viên Công ty TNHH L H là bị cáo H và số tiền hưởng lợi nhỏ hơn nhiều so với bị cáo H; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kề cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo.

Tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 12 năm là nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 để xét xử bị cáo Ng Th D H. Riêng bị cáo L V T sẽ không áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội để xét xử vì khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và khung hình phạt quy định tại Khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là bằng nhau.

Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T có cơ sở chấp nhận một phần.

[5] Đối với hành vi của L V L là tài xế cùng T đi giao hàng và nhận số tiền 5.000.000 đồng do T đưa nhưng không biết H và T bàn bạc chiếm đoạt tài sản, số tiền T đưa cho L nhưng L không biết là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không xem xét trách nhiệm hình sự đối với L là phù hợp.

[6] Đối với Ph Đ H là người mua số gỗ từ H nhưng H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có; sau khi mua H đã bán cho khách hàng nhưng không rõ tên, địa chỉ người mua nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt là 17,254m³ gỗ thông trị giá 200.715.221 đồng, bị cáo H đã trả lại cho nguyên đơn dân sự số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 170.715.221 đồng nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải trả lại. Xét thấy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H đã giao trả lại cho nguyên đơn dân sự 30.000.000 đồng, giao nộp cho cơ quan điều tra 30.000.000 đồng; bị cáo T nộp 5.000.000 đồng, L nộp 5.000.000 đồng cho cơ quan điều tra. Còn lại số tiền 130.715.221 đồng, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 80.000.000 đồng; bị cáo T tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 50.715.221 đồng và được nguyên đơn dân sự đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Ng Th Ng Th (là vợ bị cáo T) đã nộp 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo T và không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Số tiền 40.000.000 đồng mà bị cáo H, bị cáo T và L đã giao nộp, xét cần giao trả cho Công ty TNHH L H.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà bà Ng Th Ng Th là vợ của bị cáo T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An để đảm bảo thi hành án.

Chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng thu giữ trong vụ án là phương tiện các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Chiếc xe ô tô biển số 60C-095.39 mà T sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe thuộc quyền sở hữu của ông H V Ng – Giám đốc Công ty TNHH Th, việc bị cáo T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội ông Ng không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An trả lại cho ông Ng là đúng quy định.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do vụ án được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm (lần 1) trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm (lần 2) nên các bị cáo phải chịu án phí theo pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Ng Th D H và L V T phạm Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Xử phạt Ng Th D H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2015.

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 140; các Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt L V T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/6/2015.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 608 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Ng Th D H phải bồi thường cho Công ty TNHH L H số tiền 80.000.000 đồng; buộc bị cáo L V T phải bồi thường cho Công ty TNHH L H số

tiền 50.715.221 (bao gồm cả số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho Công ty TNHH L H số tiền 40.000.000 đồng (theo ủy nhiệm chi số 06 lập ngày 12/01/2016).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2016).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo L V T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An theo Biên lai thu tiền số 08187 ngày 14/3/2016 (do bà Ng Th Ng Th nộp thay) để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Bị cáo Ng Th D H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo L V T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 2.035.761 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Người bào chữa;
- Lưu HS, THAHS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết